TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2019
V/v: Ly hôn giữa anh B và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Phượng

2/ Ông Từ Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Hoàng Văn B trong bản tự khai trình bày: Anh đăng ký kết hôn với chị Hoàng Thị T năm 2012. Trước khi kết hôn anh, chị có được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện S. Cưới xong anh, chị về chung sống với nhau ngay, hiện chưa có con chung. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xáy ra mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ

năm 2016 cho đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh không có tài sản gì, cũng không nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên anh xin được vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án.

Chị Hoàng Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh B năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện S. Cưới xong anh, chị về chung sống với nhau ngay. Cuộc sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh, chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay anh B xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn. Hiện anh, chị chưa có con chung, tài sản chung, công nợ không có gì. Chị đã nhận được các văn bản của Tòa án giao cho chị nhưng chị cho rằng việc ly hôn là của anh B nên chị không ra Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa chị T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của B luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh B, chị T chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh Chung có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, khoản 2 Điều 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, chấp nhận cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn B và chị Hoàng Thị T.

Về nuôi con chung: Không có.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Án phí: Anh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng anh B có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt chị T anh B

[2] *Về nội dung*: Anh Hoàng Văn B và chị Hoàng Thị T đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh B, chị T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng, anh B, chị T hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, không hiểu và thông cảm cho nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay anh B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Chị T cũng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh B, chị T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh B được ly hôn với chị T.

[3] *Về nuôi con chung:* Không có.

[4] *Về tài sản và công nợ chung:* Anh B, chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 B luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

***1. Về quan hệ vợ chồng*:** Cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn B và chị Hoàng Thị T.

***2. Về án phí*:** Anh B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003724 ngày 14/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Anh B đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã G, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toan